

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐƠN DƯƠNG
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **01/2025/HNGĐ-ST**

Ngày: 15-01-2025.

V/v: “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐƠN DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phúc

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thời

2. Ông Lê Văn Hiến

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Minh Tiến - là thư ký Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 177/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2024/QĐXXST-ST ngày 20 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2024/QĐST-HNGĐ ngày 30/12/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Ka G, sinh năm: 1995; Địa chỉ: Thôn S, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Anh Ka Să Ha T, sinh năm: 1995; Địa chỉ: Thôn S, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

(Nguyên đơn vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 09 tháng 9 năm 2024 và các lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Ka G trình bày: Chị và anh Ka S Ha Thanh tự nguyện tìm hiểu và chung sống thực tế với nhau từ năm 2014. Đến năm 2018 mới thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ ngày 17/01/2018. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Theo phong tục truyền thống, vợ chồng chung sống bên phía vợ. Quá trình chung sống đến khoảng năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và xảy ra cãi nhau hằng ngày. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T không chịu đi làm mà thường

xuyên nhậu nhẹt, chị khuyên bảo nhắc nhở thì anh T không nghe mà còn chửi chị, thỉnh thoảng còn đánh chị. Khi vợ chồng mâu thuẫn chị có nói với anh T là nếu không thích ở đây thì đi về nhà đi thì anh T đã bỏ về. Từ năm 2019 đến năm 2023 hầu như năm nào anh T cũng bỏ về nhà ít nhất một lần. Đến tháng 5 năm 2024 anh T bỏ về nhà mẹ đẻ sống cho đến nay. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2024 đến nay không còn quan tâm nhau, không liên lạc với nhau, mặc ai nấy sống. Trước khi chị làm đơn ly hôn có bàn bạc, trao đổi với anh T thì anh T đồng ý ly hôn nên chị mới nộp đơn. Sau khi nộp đơn thì anh T lại đổi ý không đồng ý ly hôn. Khi Tòa án báo làm việc thì anh T có gọi điện thoại cho chị chửi bới chị chứ không có níu kéo tình cảm vợ chồng.

Chị xác định đến nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Ka Să Ha T.

Quá trình giải quyết vụ án anh Ka S Ha Thanh không đến Tòa án làm việc. Anh có trình bày bản tự khai ngày 26/11/2024: Anh và chị Ka G chung sống từ năm 2014, đến năm 2018 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ. Anh xác nhận vợ chồng mâu thuẫn và sống ly thân từ tháng 5 năm 2024 đến nay. Nay anh không đồng ý ly hôn.

- Về con chung:

Chị Ka G và anh Ka S Ha Thanh thống nhất có 02 con chung tên Ha Minh T1, sinh ngày 08/3/2014 và Ka Minh N, sinh ngày: 15/11/2017. Hiện cháu Ha Minh T1 và Ka Minh N đang do chị Ka G trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị Ka G yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung, không yêu cầu anh Ka S Ha Thanh cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Ka Să Ha T xác nhận hiện nay 02 con chung đang do chị Ka G trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục và không có ý kiến gì về phần con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung:

Chị Ka G xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung. Anh Ha T không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung và nợ chung của vợ chồng.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành triệu tập họp lệ anh Ka S Ha Thanh đến Tòa án để trình bày lời khai, đối chất, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời gửi Thông báo về việc yêu cầu trình bày ý kiến và cung cấp tài liệu chứng cứ nhưng anh Ha Thanh vắng M, không thể hiện ý kiến của mình đối với các lời trình bày của nguyên đơn, chỉ thể hiện ý kiến là anh không đồng ý ly hôn. Nguyên đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án. Vì vậy, Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, thông báo cho bị đơn được biết về kết quả phiên họp và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật; các đương sự chấp

hành nghiêm các quy định của pháp luật, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Ka G và anh Ka S Ha Thanh được ly hôn; về con chung: Giao cháu Ha Minh T1 và Ka Minh N cho chị Ka G trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh Ka S Ha Thanh không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung các bên không yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến. Về án phí: Chị Ka G phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn giữa chị Ka G và anh Ka S Ha T. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã Đ, huyện Đ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn anh Ka S Ha T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai theo đúng quy định tại các Điều 175, 177, 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Nguyên đơn chị Ka G có đơn xin vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Ka G, anh Ha T theo thủ tục chung và dành quyền kháng cáo vắng mặt cho chị Ka G và anh Ha T theo quy định.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu của nguyên đơn thì thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Ka G và anh Ka S Ha Thanh đã được UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 14 ngày 17/01/2018, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, thời điểm đăng ký cả hai đều đủ điều kiện kết hôn. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Ka G và anh Ka S Ha Thanh là hợp pháp.

Quá trình chung sống, theo chị Ka G thì vợ chồng sống đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn và vợ chồng cãi nhau hằng ngày. Nguyên nhân là do anh T không chịu chăm lo làm ăn mà thường xuyên nhậu nhẹt, chị khuyên bảo nhắc nhở thì anh T không nghe mà còn chửi chị, thỉnh thoảng còn đánh chị. Trong thời gian chung sống anh Ha T đã bỏ về nhà nhiều lần. Đến tháng 5 năm 2024 thì về nhà ở hẳn. Vợ chồng sống ly thân và không liên lạc, không quan tâm nhau, mặc ai nấy sống.

Phía anh Ka S Ha Thanh không trình bày nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng. Tuy nhiên anh cũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn và sống ly thân từ tháng 5 năm 2024 đến nay.

Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Ka G và anh Ka S Ha T là có thật. Vợ chồng sống ly thân từ năm tháng 5 năm 2024 đến nay là thật. Phía anh Ha T

mặc dù không đồng ý ly hôn nhưng quá trình vợ chồng mâu thuẫn anh không quan tâm, không tác động hay níu kéo chị Ka G quay về đoàn tụ thể hiện thái độ bỏ mặc hôn nhân. Đồng thời, xét thời gian vợ chồng sống ly thân, bỏ mặc nhau chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, khó hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử nhận thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Ka G, cho chị Ka G và anh Ha T được ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị Ka G và anh Ka S Ha Thanh đều xác nhận có 02 người con chung là cháu: Ha Minh T1, sinh ngày: 08/3/2014, Ka Minh N, sinh ngày 15/11/2017. Hiện 02 con chung đang do chị Ka G trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục.

Quá trình giải quyết vụ án chị Ka G yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con chung, không yêu cầu anh Ka S Ha Thanh cấp dưỡng nuôi con. Anh Ha T không có ý kiến gì về phần con chung. Hội đồng xét xử xét thấy các cháu Ha Minh T1, Ka Minh N có nguyện vọng được sống với chị Ka G, hiện nay các cháu đang được chị Ka G trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Ka G không thuộc trường hợp không đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, Do đó, căn cứ Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình, giao cháu Ha Minh T1, Ka Minh N cho chị Ka G trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi, anh Ka S Ha Thanh không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung:

Theo chị Ka G vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung. Chị Ka G và anh Ka S Ha Thanh không yêu cầu giải quyết tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

[3] Về án phí:

Chị Ka G phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy của pháp luật. Anh Ka S Ha T không phải chịu tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, khoản 1 Điều 39, Điều 146, 147, 220, 227, 228, 238, 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Ka G đối với bị đơn anh Ka S Ha T.

Cho chị Ka G và anh Ka S Ha Thanh được ly hôn.

Quan hệ hôn nhân theo giấy chứng nhận kết hôn số 14 ngày 17/01/2018 của Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng chấm dứt kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cháu Ha Minh T1, sinh ngày 08/3/2014 và cháu Ka Minh N, sinh ngày 15/11/2017 cho chị Ka G trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Anh Ka S Ha Thanh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; yêu cầu cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: Buộc chị Ka G phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ chị Ka G đã nộp theo biên lai thu số 0002669 ngày 04/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đơn Dương. Chị Ka G đã nộp đủ án phí. Anh Ka S Ha T không phải chịu tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh L;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Phúc